

PHỤ LỤC 01: HỖ TRỢ HỌC PHÍ, CHI PHÍ HỌC TẬP, HỌC BỔNG HỌC KỲ II, BỔ SUNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Tên trường	Hỗ trợ học phí theo NQ 204, NQ 248, NQ 22 (tư thực)				Hỗ trợ chi phí học tập theo ND81 và NQ21						Hỗ trợ học bổng theo TTLT số 42				Tổng (triệu đồng)
		Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Theo ND81		Theo NQ21		Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	
						Số đối tượng	Số tháng	Số đối tượng	Số tháng							
	Tổng cộng:	1.080			5.071,248	504		37			406,200	5			46,800	5.524,248
1	Trường THPT Bạch Đằng		0,936	5	0,000	13	5		5	0,15	9,750		1,872	5	0,000	9,750
2	Trường THPT Bãi Cháy		0,936	5	0,000	27	5		5	0,15	20,250		1,872	5	0,000	20,250
3	Trường THPT Cẩm Phả		0,936	5	0,000	32	5		5	0,15	24,000		1,872	5	0,000	24,000
4	Trường THPT Cửa Ông		0,936	5	0,000	11	5	1	5	0,15	9,000		1,872	5	0,000	9,000
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
5	Trường THPT Đông Thành		0,936	5	0,000	11	5		5	0,15	8,250		1,872	5	0,000	8,250
6	Trường THPT Đông Triều		0,936	5	0,000	16	5		5	0,15	12,000		1,872	5	0,000	12,000
			0,936	5	0,000	1	9		5	0,15	1,350		1,872	5	0,000	1,350
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám		0,936	5	0,000	8	5		5	0,15	6,000		1,872	5	0,000	6,000
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt		0,936	5	0,000	14	5		5	0,15	10,500		1,872	5	0,000	10,500
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ		0,936	5	0,000	6	5		5	0,15	4,500		1,872	5	0,000	4,500
10	Trường THPT Hoành Bồ		0,936	5	0,000	8	5		5	0,15	6,000		1,872	5	0,000	6,000
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
11	Trường THPT Hòn Gai		0,936	5	0,000	48	5		5	0,15	36,000		1,872	5	0,000	36,000
12	Trường THPT Lê Chân		0,936	5	0,000	12	5		5	0,15	9,000		1,872	5	0,000	9,000
13	Trường THPT Lê Hồng Phong		0,936	5	0,000	14	5		5	0,15	10,500		1,872	5	0,000	10,500
14	Trường THPT Lê Quý Đôn		0,936	5	0,000	10	5		5	0,15	7,500		1,872	5	0,000	7,500
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt		0,936	5	0,000	7	5	2	5	0,15	6,750	1	1,872	5	9,360	16,110
16	Trường THPT Minh Hà		0,936	5	0,000	18	5		5	0,15	13,500		1,872	5	0,000	13,500
17	Trường THPT Mông Dương		0,936	5	0,000	10	5		5	0,15	7,500		1,872	5	0,000	7,500
18	Trường THPT Ngô Quyền		0,936	5	0,000	31	5		5	0,15	23,250		1,872	5	0,000	23,250
19	Trường PT DTNT THCS & THPT tỉnh		0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long		0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
21	Trường THPT Trần Phú		0,936	5	0,000	16	5		5	0,15	12,000		1,872	5	0,000	12,000

TT	Tên trường	Hỗ trợ học phí theo NQ 204, NQ 248, NQ 22 (tư thực)				Hỗ trợ chi phí học tập theo ND81 và NQ21						Hỗ trợ học bổng theo TTLT số 42				Tổng (triệu đồng)
		Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Theo ND81		Theo NQ21		Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	
						Số đối tượng	Số tháng	Số đối tượng	Số tháng							
22	Trường THPT Ưông Bí		0,936	5	0,000	24	5		5	0,15	18,000	1	1,872	5	9,360	27,360
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu		0,936	5	0,000	5	5		5	0,15	3,750		1,872	5	0,000	3,750
24	TT HN & GDTX Tĩnh		0,936	5	0,000	6	5	0	5	0,15	4,500		1,872	5	0,000	4,500
25	Trường THPT Đàm Hà		0,936	5	0,000	5	5	2	5	0,15	5,250		1,872	5	0,000	5,250
26	Trường THCS, THPT Đường Hoa Cương		0,936	5	0,000	7	5	2	5	0,15	6,750		1,872	5	0,000	6,750
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
27	Trường THCS & THPT Hải Đông		0,936	5	0,000	13	5	5	5	0,15	13,500		1,872	5	0,000	13,500
28	Trường THPT Quảng Hà		0,936	5	0,000	3	5		5	0,15	2,250		1,872	5	0,000	2,250
			0,936	5	0,000	1	2		5	0,15	0,300		1,872	5	0,000	0,300
			0,936	5	0,000	1	4		5	0,15	0,600		1,872	5	0,000	0,600
29	Trường THCS và THPT Tiên Yên		0,936	5	0,000	15	5	2	5	0,15	12,750		1,872	5	0,000	12,750
			0,936	5	0,000		5	1	9	0,15	1,350		1,872	5	0,000	1,350
30	Trường PT DTNT Tiên Yên		0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
31	Trường THPT Ba Chẽ		0,936	5	0,000	4	5		5	0,15	3,000		1,872	5	0,000	3,000
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
32	Trường THPT Bình Liêu		0,936	5	0,000	21	5	0	5	0,15	15,750		1,872	5	0,000	15,750
33	Trường THPT Cô Tô		0,936	5	0,000	2	5		5	0,15	1,500		1,872	5	0,000	1,500
34	Trường THCS,THPT Hoành Mô		0,936	5	0,000	22	5	19	5	0,15	30,750	3	1,872	5	28,080	58,830
			0,936	5	0,000		5	1	3	0,15	0,450		1,872	5	0,000	0,450
			0,936	5	0,000		5	1	4	0,15	0,600		1,872	5	0,000	0,600
35	Trường THCS&THPT Quan Lạn		0,936	5	0,000	2	5	1	5	0,15	2,250		1,872	5	0,000	2,250
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
36	Trường THCS&THPT Quảng La		0,936	5	0,000	10	5		5	0,15	7,500		1,872	5	0,000	7,500
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
37	Trường THPT Hải Đảo		0,936	5	0,000	8	5		5	0,15	6,000		1,872	5	0,000	6,000
38	Trường THPT Hạ Long	7	0,936	5	32,760	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	33,510
39	Trường THPT Hồng Đức	62	0,936	5	290,160	3	5		5	0,15	2,250		1,872	5	0,000	292,410

TT	Tên trường	Hỗ trợ học phí theo NQ 204, NQ 248, NQ 22 (tư thực)				Hỗ trợ chi phí học tập theo ND81 và NQ21						Hỗ trợ học bổng theo TTLT số 42				Tổng (triệu đồng)
		Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Theo ND81		Theo NQ21		Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	
						Số đối tượng	Số tháng	Số đối tượng	Số tháng							
40	Trường THPT Hùng Vương	58	0,936	5	271,440		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	271,440
		1	0,936	3	2,808		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	2,808
41	Trường Marie Curie		0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
42	Trường THPT Lương Thế Vinh	122	0,936	5	570,960	3	5		5	0,15	2,250		1,872	5	0,000	573,210
		1	0,936	2	1,872		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	1,872
		1	0,936	6	5,616		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	5,616
		1	0,936	8	7,488		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	7,488
		3	0,936	9	25,272		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	25,272
0-	Trường THPT Ngô Gia Tự	0	0,936	5	0,000	0	5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
44	Trường THPT Nguyễn Bình	20	0,936	5	93,600	0	5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	93,600
45	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	13	0,936	5	60,840	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	61,590
		2	0,936	9	16,848		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	16,848
46	Trường THPT Nguyễn Du	185	0,936	5	865,800		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	865,800
		1	0,936	4	3,744		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	3,744
47	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	25	0,936	5	117,000	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	117,750
48	Trường THPT Nguyễn Trãi	40	0,936	5	187,200	16	5		5	0,15	12,000		1,872	5	0,000	199,200
			0,936	5	0,000		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	0,000
49	Trường THPT Thống Nhất	353	0,936	5	1.652,040	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	1.652,790
50	Trường THPT Trần Nhân Tông	73	0,936	5	341,640	6	5		5	0,15	4,500		1,872	5	0,000	346,140
51	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	5	0,936	5	23,400	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	24,150
52	Trường THPT Văn Lang	17	0,936	5	79,560		5		5	0,15	0,000		1,872	5	0,000	79,560
53	Trường THCS&THPT Chu Văn An	2	0,936	5	9,360	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	10,110
54	Trường TH, THCS &THPT Lê Thánh Tông	40	0,936	5	187,200	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	187,950
55	Trường TH, THCS&THPT Trần Hưng Đạo	15	0,936	5	70,200	2	5		5	0,15	1,500		1,872	5	0,000	71,700
56	Trường TH, THCS & THPT Yên Hưng	5	0,936	5	23,400	1	5		5	0,15	0,750		1,872	5	0,000	24,150
57	Trường TH, THCS & THPT Đoàn Thị Điểm	28	0,936	5	131,040	3	5		5	0,15	2,250		1,872	5	0,000	133,290
			0,936	5	0,000	1	7		5	0,15	1,050		1,872	5	0,000	1,050